

Số: /2024/QĐ-UBND Ninh Bình, ngày tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo các nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo nghề áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo các nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, đối với 15 nghề sau:

- Hướng dẫn du lịch (chi tiết tại Phụ lục số I kèm theo);
- Kỹ thuật chế biến món ăn (chi tiết tại Phụ lục số II kèm theo);
- Nghiep vụ nhà hàng (chi tiết tại Phụ lục số III kèm theo);
- Cắt gọt kim loại (chi tiết tại Phụ lục số IV kèm theo);
- Điện công nghiệp (chi tiết tại Phụ lục số V kèm theo);
- Điện dân dụng (chi tiết tại Phụ lục số VI kèm theo);

7. Hàn (Hàn điện, Hàn hơi, hàn điện - hơi) (chi tiết tại Phụ lục số VII kèm theo);
8. Kỹ thuật xây dựng (chi tiết tại Phụ lục số VIII kèm theo);
9. Tin học văn phòng (chi tiết tại Phụ lục số IX kèm theo);
10. May công nghiệp (chi tiết tại Phụ lục số X kèm theo);
11. Đào tạo lái xe hạng B2 (chi tiết tại Phụ lục số XI kèm theo);
12. Đào tạo lái xe hạng C (chi tiết tại Phụ lục số XII kèm theo);
13. Đan lát thủ công (đan mây tre) (chi tiết tại Phụ lục số XIII kèm theo);
14. Chăn nuôi và phòng, trị bệnh cho gia cầm (chi tiết tại Phụ lục số XIV kèm theo);
15. Kỹ thuật trồng rau (trồng rau an toàn) (chi tiết tại Phụ lục số XV kèm theo).

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
2. Các cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 tháng theo quy định của pháp luật.

## **Điều 3. Áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật các nghề được sử dụng làm cơ sở để xác định chi phí trong đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng; Xây dựng và thực hiện kế hoạch, quản lý kinh tế, tài chính và quản lý chất lượng trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

## **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2024.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
  - Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
  - Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp-Bộ LĐTBXH;
  - Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ tư pháp;
  - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
  - Trung tâm tin học - Công báo, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
  - Lưu: VT, VP6.
- PD\_VP6\_33.QĐLĐ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tổng Quang Thìn**